TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 648/2024/DSST
Ngày 08 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân quận G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 828/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2024/QĐXXST-DS ngày 27/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 270/2024/QĐST-DS ngày 17/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; (Ngân hàng V1); trụ sở chính: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông N.C.V; Người đại diện theo ủy quyền: Ông L.Q.B (văn bản ủy quyền số 3012/6/2024/UQ- V1 ngày 08/6/2024) (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông V.T.H; địa chỉ: Số B đường P, Phường A, quận G, Tp .Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/3/2024 Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) trình bày:

Ngày 27/2/2021, ông V.T.H ký hợp đồng vay tín dụng tại Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V1), theo hợp đồng điện tử số LN2103183497441, Ngân hàng đã giải ngân cho ông H vay số tiền là 100.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn cho nhu cầu đời sống, thoả thuận lãi là 24% năm; biên độ điều chỉnh tối đa là 14%. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H vi phạm nội dung thoả thuận tại hợp đồng cho vay đã ký, các khoản vay đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 16/01/2023 tính đến

ngày khởi kiện 8/3/2024 số nợ gốc còn tồn là 76.917.707 đồng; nợ lãi là 27.959.174 đồng.

Tại Toà nguyên đơn yêu cầu ông V.T.H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi đến ngày xét xử tổng cộng là 134.907.936 đồng (trong đó tiền gốc là 76.917.707 đồng; tiền lãi là 57.990.229 đồng). Ông H còn phải trả thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày xét xử cho đến khi tất toán hết số tiền còn nợ theo lãi suất thoả thuận của hợp đồng tín dụng ký ngày 27/02/2021 tại Ngân hàng TMCP V.

Đối với bị đơn là ông V.T.H: Tòa án đã thực hiện việc tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo kiểm tra phiên họp, cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất và hòa giải tại nơi cư trú nhưng bị đơn không đến Tòa theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ, chứng minh hoặc phản hồi ý kiến theo đề nghị của nguyên đơn. Nên Tòa án quận G không thu thập được lời khai, chứng cứ từ bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về giải quyết và xét xử vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản vay và lãi theo hợp đồng tín dụng của Ngân hàng nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng" được qui định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ các Hợp đồng điện tử số LN2103183497441/HĐTD và giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dich vụ DSA/VN0010325/202102/302745 ký ngày 27/02/2021 thì bị đơn là ông V.T.H có hộ khẩu thường trú, cư trú tại địa chỉ số B đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh thì bị đơn không thường xuyên cư trú. Tòa án đã tiến hành, niêm yết, tống đạt giấy triệu tập thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra công khai

chứng cứ và đối chất - hòa giải đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt và nguyên đơn có đơn đề nghi vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, nguyên đơn theo pháp luật.

[3] Về yêu cầu đương sự:

[3.1] Về hợp đồng tín dụng: Theo các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp và thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Ngân hàng TMCP V và ông V.T.H, thoả thuận ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm và sử dụng tài khoản thanh toán, dich vụ LN2103183497441/HĐTD ngày 27/02/2021, ký hợp đồng số DSA/VN0010325/202102/302745, Ngân hàng đã giải ngân số tiền là 100.000.000 đồng qua số tài khoản 235012518 của ông V.T.H.

Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 15/01/2024 ông H đã thanh toán trả tiền gốc cho ngân hàng là 23.082.293 đồng, từ ngày 16/01/2024 ông H còn gốc là 76.917.707 đồng (1), do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V1 chuyển toàn bộ số nợ trên qua nợ quá hạn tính đến ngày 08/8/2024 số tiền lãi là 57.990.229 đồng(2) . Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm ký kết hợp đồng bị đơn đầy đủ năng lực xác nhận về thời gian vay, phương thức thanh toán và lãi suất của hợp đồng vay tại V1. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 thì "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật". Vì vậy nếu đến hạn thanh toán mà bên vay không trả nợ vay hoặc thanh toán không đầy đủ tiền lãi như đã thoả thuận thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả. Vì vậy Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông V.T.H phải thanh toán trả ngay số tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng số DSA/VN0010325/202102/302745 ngày 27/02/2021 tính đến ngày 08/8/2024 tổng số tiền là 134.907.936 đồng, (trong đó nợ gốc là 76.917.707 đồng, lãi là 57.990.229 đồng). Đồng thời ông V.T.H còn phải trả thêm tiền lãi phát sinh từ ngày 09/8/2024 cho đến khi tất toán hết toàn bộ số tiền nợ gốc theo lãi suất quá hạn của hợp đồng số DSA/VN0010325/202102/302745 ký ngày 27/02/2021 của Ngân hàng TMCP V. là có cở sở chấp nhận.

[3.2] Về án phí dân sư sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí cua Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông V.T.H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông V.T.H có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và lãi số tiền là 134.907.936 đồng. Ông V.T.H còn phải trả thêm tiền lãi phát sinh từ ngày 09/8/2024 trên số tiền nợ gốc cho đến khi tất toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng số DSA/VN0010325/202102/302745 ngày 27/02/2021.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V.T.H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.745.396 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 2.621.922 đồng, cho Ngân hàng TMCP V theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013873 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận
- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.G;
- CCTHADS Q.G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA